

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 275 /2024/DS-PT

Ngày 04 - 9 - 2024

V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Bà Nguyễn Thị My My.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 8 năm 2024 và ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2024/TLPT-DS ngày 02/7/2024 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2024/QĐ-PT ngày 11/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 234/2024/QĐ-PT ngày 08/8/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2024/QĐPT-DS ngày 23/8/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị H1; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2023); (Ngày 23/8/2024 có mặt, ngày 04/9/2024 vắng mặt).

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm 1961; (Ngày 23/8/2024 có mặt, ngày 04/9/2024 vắng mặt, bà T1 là con của ông T có đơn cho rằng ông T đồng ý Tòa án tiếp tục xét xử vụ án và xin xét xử vắng mặt).

2.2. Ông Nguyễn Trọng Đ – Sinh năm 1991; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số C N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trịnh Thị T2; Vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T3; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số C N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3.3. Bà Nguyễn Thị T4; địa chỉ: Số A T, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị H có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị H1 trình bày:

Ngày 29/4/2022, bà Nguyễn Thị Thu T5 có vay của bà Bùi Thị H số tiền 500.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ ngày 29/12/2022.

Ngày 16/7/2022, bà Nguyễn Thị Thu T5 có vay của bà Bùi Thị H số tiền 600.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ ngày 16/5/2023.

Tổng cộng là 1.100.000.000 đồng.

Khi chưa trả được nợ cho bà H thì bà T5 đã chết. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T (Chồng của bà T5) và ông Nguyễn Trọng Đ (Con của bà T5) và những người thuộc hàng thừa kế khác của bà T5 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T5 số tiền 1.100.000.000 đồng và lãi phát sinh từ các khoản vay theo hợp đồng kể từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ gốc trước khi nhận các di sản của bà T5 để lại.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu T5 là vợ của ông Nguyễn Văn T và là mẹ của ông Nguyễn Văn Đ1, bà T5 chết ngày 30/12/2022. Trong thời gian bà T5 còn sống chúng tôi không nghe bà T5 nói chuyện về việc nợ của bà Bùi Thị H số tiền 1.100.000.000 đồng. Thực tế chúng tôi cũng không thấy bà T5 đem số tiền trên về nhà để đầu tư hay sử dụng vào việc khác với mục đích phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định có việc bà T5 nợ của bà H số tiền nêu trên hay không, nếu có nợ thì trong thời gian còn sống bà T5 đã trả nợ cho bà Bùi Thị H được bao nhiêu tiền gốc cũng như tiền lãi, nên chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 trình bày: Tôi là con của bà Nguyễn Thị Thu T5, tôi không biết gì về việc vay mượn giữa bà Bùi Thị H với mẹ tôi, trước khi mẹ tôi mất tôi cũng không nghe mẹ tôi nói gì về việc vay mượn tiền của bà Bùi Thị H.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T2 (Mẹ của bà T5) và bà Nguyễn Thị T3 (Con của bà T5): Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều

lần nhưng bà T2 và bà T3 đều vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy được lời khai và không làm việc được với bà T2 và bà T3.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 613, Điều 614, Điều 615, Điều 616, Điều 617, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị H số tiền 1.521.474.000 đồng (Một tỷ năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), trong đó gồm: Nợ gốc 1.100.000.000 đồng và nợ lãi 421.474.000 đồng) trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 chết để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải chịu 7.000.000 đồng tiền chi phí trưng cầu giám định trong phạm vi tài sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 để lại. Bà Bùi Thị H được nhận lại 7.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được từ ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải chịu 57.644.000 đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị H 24.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014023 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 16/5/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T; Sửa bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T:

Căn cứ 02 Hợp đồng cho vay tiền thể hiện bà Nguyễn Thị Thu T5 có vay của bà Bùi Thị H 02 khoản tiền gốc tổng cộng là 1.100.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 29/4/2022, vay số tiền 500.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ ngày 29/12/2022.

+ Ngày 16/7/2022, vay số tiền 600.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 20%/năm, thời hạn trả nợ ngày 16/5/2023.

Khi chưa trả được nợ và chưa đến hạn trả nợ cho bà H thì ngày 30/12/2022 bà T5 chết.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 cho rằng chữ ký, chữ viết phần ký nhận nợ trong 02 Hợp đồng cho vay tiền không phải là chữ ký, chữ viết của bà T5. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 1095/KL-KTHS ngày 12/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ

đã kết luận chữ ký, chữ viết phân ký nhận nợ trong 02 Hợp đồng cho vay tiền ngày 29/4/2022 và ngày 16/7/2022 là chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Thu T5.

Do bà T5 đã chết mà chưa trả xong khoản vay gốc và lãi cho bà H, đồng thời tài sản thừa kế của bà H để lại không có di chúc và chưa được chia theo quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của bà H để buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 gồm ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/5/2024) cho bà Bùi Thị H là 1.521.474.000 đồng (trong đó gồm: Nợ gốc 1.100.000.000 đồng và nợ lãi 421.474.000 đồng) trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 chết để lại là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/8/2024, chồng và con của bà T5 là bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 cung cấp bản gốc các bản sao kê Ngân hàng thể hiện bà T5 nhờ con là Nguyễn Trọng Đ trả các khoản tiền lãi cho bà H vào số tài khoản 3320837 (Ngân hàng TMCP Á) của bà Bùi Thị H, gồm các khoản tiền lãi như sau: Ngày 20/5/2022 chuyển khoản 7.000.000 đồng; Ngày 27/5/2022 chuyển khoản 7.000.000 đồng; Ngày 20/8/2022 chuyển khoản 8.400.000 đồng; Ngày 30/12/2022 chuyển khoản 8.400.000 đồng. Tổng cộng ông Nguyễn Trọng Đ đã chuyển khoản cho bà Bùi Thị H 30.800.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2024 của bà Bùi Thị H thì bà H thừa nhận số tài khoản 3320837 tại Ngân hàng TMCP Á là của bà Bùi Thị H và thừa nhận việc bà T5 đã nhờ con là ông Đ chuyển trả tổng cộng 30.800.000 đồng tiền lãi cho bà H như bản sao kê ngân hàng do bị đơn cung cấp. Vì vậy, cần khấu trừ số tiền lãi bà T5 đã trả nêu trên vào số tiền lãi mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 phải trả cho bà H như sau: 421.474.000 đồng – 30.800.000 đồng = 390.674.000 đồng.

Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 gồm ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/5/2024) cho bà Bùi Thị H là 1.490.674.000 đồng (trong đó gồm: Nợ gốc 1.100.000.000 đồng và nợ lãi 390.674.000 đồng) trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 chết để lại.

[3]. Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký là đúng quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T5 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên cần sửa lại phần án phí (làm tròn) như sau: 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + [(1.490.674.000 đồng – 800.000.000 đồng) x 3%] = 56.720.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T sinh năm 1961 là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Vì vậy, cần trừ đi phần nghĩa vụ chịu án phí của ông T như sau: 56.720.000 đồng – (56.720.000 đồng : 5) = 45.376.000 đồng là số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà 04 người thừa kế còn lại của bà T5 gồm bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải chịu.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T;

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 613, Điều 614, Điều 615, Điều 616, Điều 617, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

[2]. *Tuyên xử:*

[2.1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị H số tiền 1.490.674.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), trong đó gồm: Nợ gốc 1.100.000.000 đồng và nợ lãi 390.674.000 đồng trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 chết để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải chịu 7.000.000 đồng tiền chi phí trưng cầu giám định trong phạm vi tài sản của bà Nguyễn Thị Thu T5 để lại. Bà Bùi Thị H được nhận lại 7.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được từ ông Nguyễn Văn T, bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4.

[2.3]. Về án phí:

[2.3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị T2, ông Nguyễn Trọng Đ, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T4 phải chịu 45.376.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị H 24.675.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014023 ngày 21/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2.3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

